

Bản án số: 09/2021/HS-ST  
Ngày 04/3/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Thành

Ông Trần Như Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lương Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

*Họ và tên:* Đặng Tồn N, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1988 tại xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Triệu M; vợ: Triệu T (đã ly hôn) và 02 người con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011); tiền án: Bản án số 05/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 28/10/2020, hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lương Thị Ph - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt.

**- Người làm chứng:**

+ Anh Nguyễn Văn L,

+ Chị Nông Thị S,

+ Anh Nguyễn Văn G,

+ Anh Lại Văn H,

+ Anh Đặng Văn Đ

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Đặng Tồn N vượt biên trái phép sang lao động tự do tại Trung Quốc, sau đó trở về Việt Nam sinh sống. Khoảng tháng 9 năm 2020 thông qua mạng Internet, Đặng Tồn N quen biết một người phụ nữ tên A (không rõ tên, tuổi, địa chỉ), biết A đang có nhu cầu đưa người lao động Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê, với mức tiền công lao động khoảng 10.000.000 đến 16.000.000đ/tháng. Chi phí cho mỗi người lao động Việt Nam, đi từ Việt Nam qua biên giới sang Trung Quốc (không qua thủ tục xuất nhập cảnh) tại biên giới Việt Nam - Trung Quốc, gần cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn với giá 12.000.000đ/người, do người lao động Việt Nam tự chi trả. Đặng Tồn N chỉ cần đưa người lao động Việt Nam đến khu vực gần cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn, Hoài sẽ bố trí đưa người lao động Việt Nam đi qua đường mòn vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, nên người lao động Việt Nam không phải mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ cần mang theo đồ dùng cá nhân. Khi đưa được người lao động Việt Nam đến cửa khẩu biên giới C, A sẽ trích lại cho Đặng Tồn N số tiền 50NDT/người tương đương số tiền VNĐ Nhi được hưởng là 150.000 đồng/người.

Sau khi thỏa thuận xong với A, Đặng Tồn N trao đổi với 05 người lao động Việt Nam có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê và thống nhất hẹn gặp tại thị trấn MA, huyện V, tỉnh Yên Bái để gặp mặt trực tiếp. Ngày 17/10/2020 tại quán Bi a 1996, thị trấn MA, huyện V, Đặng Tồn N đã gặp 04 người lao động Việt Nam, gồm: Nguyễn Văn G trú tại tổ dân phố số 6 thị trấn MA, huyện V; Lại Văn H trú tại thôn U, xã TH, huyện V; Nguyễn Văn L trú tại thôn I, xã ĐA, huyện V; Đặng Văn Đ trú tại thôn E, xã ĐA, huyện V. Riêng Nông Thị S trú tại thôn E, xã ĐA, huyện V không đến gặp mặt nhưng S đã gửi ảnh và thông tin cá nhân cho Đặng Tồn N. Tại buổi gặp mặt, Đặng Tồn N nói lại nội dung đã trao đổi với A cho G, H, L và Đ biết. Ngoài ra, Đặng Tồn N còn nói thêm nội dung, mỗi người khi đi phải chuẩn bị từ 15.000.000 đến 16.000.000 đồng, trong đó 12.000.000 đồng nộp cho Đặng Tồn N, để Đặng Tồn N nộp cho A, là số tiền chi phí đi từ Lạng Sơn sang Phúc Kiến, Trung Quốc, số tiền còn lại, là để chi phí đi từ huyện V, tỉnh Yên Bái đến tỉnh Lạng Sơn và chi phí sinh hoạt trong khi chưa được trả lương. Sau khi thống nhất xong, Đặng Tồn N đã gửi thông tin và hình ảnh của G, H, L, Đ và S cho A. A đồng ý, Đặng Tồn N đã thống nhất hẹn với 05 người lao động Việt Nam: Khoảng 7 giờ ngày 26/10/2020 Đặng Tồn N thuê xe ô tô của anh Nguyễn CA trú tại tổ dân phố số 9 thị trấn MA, huyện V để chở Đặng Tồn N và 05 người lao động Việt Nam đi từ thị trấn MA, huyện V đến tỉnh Lạng Sơn để sang Trung Quốc lao động.

Khoảng 08 giờ ngày 26/10/2020, tại thị trấn MA, huyện V, anh CA đã điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 21A-086.28 chở Đặng Tồn N và 05 người lao động Việt Nam gồm: Nguyễn Văn G, Lại Văn H, Nguyễn Văn L, Đặng Văn Đ và Nông Thị S đi từ thị trấn MA, huyện V đến tỉnh Lạng Sơn gặp A, để A đưa 05 người lao động Việt Nam sang lao động trái phép tại Trung Quốc. Khi đi đến địa phận phường Q, thành phố Y, tỉnh Yên Bái thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh

Yên Bái phát hiện bắt giữ. Thu giữ của Đặng Tồn N 01 điện thoại di động và 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-P1 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, truy tố Đặng Tồn N về tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Tồn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai nhận tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Tồn N phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Tồn N từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù; không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo; áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động OPPO; áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Về cơ bản nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự với lý do: Bị cáo chưa đưa được người lao động Việt Nam sang Trung Quốc nên chưa gây thiệt hại, chưa gây hậu quả xấu cho xã hội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, khai nhận đầy đủ về hành vi phạm tội của mình; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 3 Điều 57; bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/10/2020, bị cáo Đặng Tồn N đã tổ chức cho Nguyễn Văn G, Lại Văn H, Nguyễn Văn L, Đặng Văn Đ và Nông Thị S đi từ thị trấn MA, huyện V, tỉnh Yên Bái đến tỉnh Lạng Sơn để giao cho người phụ nữ tên A, để A đưa trái phép qua khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn sang Trung Quốc lao động trái phép, trên đường đi đến địa phận phường Q, thành phố Y, tỉnh Yên Bái thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Tồn N đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến việc ổn định trật tự, kỷ cương xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn được hưởng lợi bất chính từ việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng, khi quyết định hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 17/01/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 01 năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo thực hiện hành vi tổ chức cho 5 người lao động Việt Nam trốn sang Trung Quốc lao động trái phép nhưng chưa đưa được ra khỏi lãnh thổ Việt Nam và hành vi phạm tội của bị cáo đang diễn ra thì bị phát hiện, ngăn chặn nên được coi là phạm tội chưa đạt và cần áp dụng Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự với lý do, bị cáo chưa đưa được người lao động Việt Nam sang Trung Quốc nên chưa gây thiệt hại, chưa gây hậu quả xấu cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh. Vì vậy, đề nghị này của người bào chữa là không phù hợp với quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên không được chấp nhận và việc đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án tù 3 đến 4 năm tù là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Thấy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội

một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với người phụ nữ tên A, là người đã trao đổi, hứa hẹn trả công để Đặng Tồn N tổ chức đưa người lao động Việt Nam trốn sang Trung Quốc lao động trái phép. Nhưng Đặng Tồn N không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của người này nên không có căn cứ để xác minh, xử lý trong vụ án.

[11] Đối với anh Nguyễn CA là người được bị cáo Đặng Tồn N thuê xe ô tô chở Đặng Tồn N và 05 người lao động Việt Nam lên Lạng Sơn nhưng anh CA không biết việc Đặng Tồn N tổ chức cho 05 người lao động Việt Nam lên Lạng Sơn để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh CA là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Đặng Tồn N là tiền của Nguyễn Văn L đưa cho Nhĩ để chi phí ăn uống, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Linh là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO bị cáo đã sử dụng để liên lạc, trao đổi trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[13] Bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn án phí cho bị cáo;

[14] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, Điều 57 và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Đặng Tồn N phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

- Xử phạt bị cáo Đặng Tồn N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 28/10/2020.

- Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO kèm theo sim, thẻ. (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 16 ngày 29/01/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái với Chi cục Thị hành án dân sự huyện Văn Yên).

- Về án phí: Bị cáo Đặng Tồn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Văn Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Hà**